

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày 17 - 9 -2024

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị H1 trình bày:*

Ngày 08/6/2018 bà Phan Thị Thu H có xác nhận nợ bà Bùi Thị H1 số tiền 41.400.000 đồng hẹn ngày 16/6/2018 âm lịch sẽ trả góp cho bà H1 số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 01/7/2018, bà H trả cho bà H1 3.400.000 đồng, còn nợ lại 38.000.000 đồng nên hai bên đã viết lại giấy vay tiền ngày 01/7/2018 âm lịch, bà H có ký xác nhận nợ và hẹn ngày 01/8/2018 âm lịch sẽ hoàn trả. Khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất. Từ ngày viết giấy vay tiền 01/7/2018 âm lịch đến nay bà H chưa trả

cho bà H1 khoản tiền nào.

Vậy nên, bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền 38.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/7/2018 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Thu H trình bày:*

Bà H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1. Bà H không vay của bà H1 khoản tiền nào; chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 01/7/2018 âm lịch không phải của bà Hằng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, HĐXX xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định theo BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đề nghị HĐXX: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng và 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) tiền lãi suất kể từ ngày 01/7/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm; Về chi phí trung cầu giám định: Bà H1 đã nộp 8.720.000 đồng nên buộc bà H phải trả lại cho bà H1 số tiền 8.720.000 đồng; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Thu H vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thừa nhận vay số tiền 38.000.000 đồng của bà Bùi Thị H1 theo giấy vay tiền ghi ngày 01/7/2018 âm lịch. Bà H không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ghi ngày 01/7/2018 âm lịch, nên không chấp nhận trả nợ.

Do các đương sự có tranh chấp về số tiền nợ cũng như chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ghi ngày 01/7/2018 âm lịch nên Tòa án đã tiến hành Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 1325/KL-KTHS ngày 27/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Phan Thị Thu H” dưới mục người nợ ký tên trên mẫu cần giám định ký kiểu A1, dưới mục “người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên “Phan Thị Thu H” trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Chữ ký, chữ viết Phan Thị Thu H trong giấy vay tiền ngày 01/7/2018 âm lịch là của bà H ký xác nhận. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định việc bà H vay số tiền 38.000.000 đồng của bà H1 là có thật. Vì vậy, cần buộc bà Phan Thị Thu H phải trả cho bà Bùi Thị H1 số tiền 38.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi suất:

Nhận thấy việc vay tiền giữa bà H1 và bà H theo giấy vay tiền ghi ngày 01/7/2018 âm lịch thuộc trường hợp thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không thỏa thuận tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự, do bà H vi phạm về thời hạn trả nợ nên bà H1 yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất 0,83 %/tháng (tương ứng là 10%/năm) kể từ 01/7/2018 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm là mức lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX có căn cứ để chấp nhận, buộc bà H phải trả cho bà H1 số tiền lãi suất từ ngày 01/7/2018 âm lịch (tức ngày 10/9/2018 dương lịch) đến

ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2024 (2.199 ngày), cụ thể như sau: (38.000.000 đồng x 0,83%) : 30 x 2.199 ngày = 23.118.000 đồng.

[3] Về chi phí trưng cầu giám định: Kết quả giám định chữ ký, chữ viết chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Do nguyên đơn đã nộp 8.720.000 đồng tiền giám định nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 61.118.000 đồng x 5% = 3.055.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H1:

1. Buộc bị đơn bà Phan Thị Thu H phải trả cho bà Bùi Thị H1 số tiền 61.118.000 đồng (Bao gồm 38.000.000 đồng nợ gốc và 23.118.000 đồng tiền lãi suất) theo giấy vay tiền ngày 01/7/2018 âm lịch.

2. Về chi phí trưng cầu giám định: Buộc bị đơn bà Phan Thị Thu H phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị H1 số tiền 8.720.000 đồng.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị H1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Phan Thị Thu H phải chịu 3.055.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Võ Đức Hợi